

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BA  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 08 tháng 9 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Lệ Thanh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đỗ Văn Linh**;

2. Ông **Phạm Mạnh Cường**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hà Thị Tuyết Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba:* Bà **Hoàng Thị Thu Hà** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị P - sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: Khu 1 xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T - Sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 1 xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phan Thị P trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Tiến T kết hôn với nhau ngày 04/12/2012, đăng ký tại UBND xã N. Việc kết hôn do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh T ở khu 1 xã N. Ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận. Trong cuộc sống vợ chồng chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh T hay cờ bạc, nợ nần, khi vợ chồng cãi nhau, anh T đã đánh chửi chị. Tuy nhiên đến nay chị không có chứng cứ chứng minh điều này. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị không được chính quyền, đoàn thể hòa giải. Vợ chồng chị sống ly thân nhau từ tháng 5/2020. Đến nay chị yêu cầu ly hôn với anh T vì tình cảm không còn.

Về con chung: Chị và anh T đã có với nhau 02 con chung là: Nguyễn Thùy T sinh ngày 20/5/2013 và Nguyễn Hoàng V sinh ngày 18/10/2016. Hai cháu hiện sống cùng anh T. Nếu vợ chồng ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được thì chị xin nuôi một cháu.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung.

Về công sức đóng góp cho gia đình: Chị không có công sức khi làm dâu ở chung gia đình anh T, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đất nông nghiệp: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn là anh Nguyễn Tiến T trình bày:**

Anh thừa nhận lời trình bày của chị P là đúng về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, đất nông nghiệp, công sức. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do chị P có quan hệ nam nữ không trong sáng, nhưng anh không có chứng cứ. Nay chị P kiên quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị P vì tình cảm vợ chồng không hàn gắn được.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có hai con chung như chị P trình bày. Các con chung hiện sống cùng anh. Khi vợ chồng ly hôn anh xin nuôi hai con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Anh và chị P không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh, đại diện khu dân cư số 1 xã N cho biết: Dư luận của bà con trong khu thì mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị P là do anh T nghi ngờ chị P khi đi làm có quan hệ nam nữ không trong sáng. Chị P không chung sống cùng anh T tại nhà bố mẹ anh T khoảng 4 tháng trở lại đây. Các con chung của anh chị đang sống cùng anh T, các cháu do bố mẹ anh T chăm sóc. Không có dư luận về việc chị P bỏ bê, không chăm sóc con chung. Nay chị P xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba có quan điểm: Việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử từ khi nhận đơn, thụ lý, thông báo hòa giải, đưa vụ án ra xét xử hoàn toàn đúng pháp luật. Quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX : Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị P và anh Nguyễn Tiến T. Giao cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng V sinh ngày 18/10/2016. Giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thùy T sinh ngày 20/5/2013. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba sau khi nhận được đơn khởi kiện của chị Phan Thị P đã tiến hành báo gọi các bên đương sự đến trình bày lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tại các buổi hòa giải do các bên đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị Phan Thị P và anh Nguyễn Tiến T là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật. Bởi lẽ, chị P, anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, cuộc sống chung của vợ chồng chị P, anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị P là do anh T cờ bạc, nợ nần, khi vợ chồng cãi nhau đã đánh chửi chị. Theo anh T mâu thuẫn vợ chồng là do chị P có quan hệ nam nữ không trong sáng. Xác minh tại địa phương cho biết chị P, anh T có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Chị P, anh T đều nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, xét yêu cầu xin thuận tình ly hôn của chị P, anh T là có cơ sở để chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[3] Về con chung:** Chị Phan Thị P và anh Nguyễn Tiến T có hai con chung là Nguyễn Thùy T sinh ngày 20/5/2013 và Nguyễn Hoàng V sinh ngày 18/10/2016. Hai cháu hiện sống cùng anh T. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu T có nguyện vọng được sống cùng bố. Khi ly hôn chị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được nuôi cả hai con thì chị xin nuôi một cháu. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị P đóng góp nuôi con.

Để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, phù hợp với điều kiện của chị P, anh T và nguyện vọng của con chung, HĐXX nghĩ nên giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu V cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất ruộng:** Chị Phan Thị P và anh Nguyễn Tiến T đều thừa nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[6] Về án phí:** Chị Phan Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 điều 51, điều 55, điều 81.82.83 luật Hôn nhân gia đình; Điều 266, 267, khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\*Về quan hệ hôn nhân:** Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị P và anh Nguyễn Tiến T.

**\* Về con chung:** Giao cho anh Nguyễn Tiến T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thùy T sinh ngày 20/5/2013. Giao cho chị Phan Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng V sinh ngày 18/10/2016. Hai cháu hiện sống cùng anh T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, hai bên có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

**\* Về tài sản chung, công nợ chung, công sức, đất ruộng:** Xác nhận chị Phan Thị P, anh Nguyễn Tiến T đều thừa nhận không có.

**\* Về án phí:** Chị Phan Thị P phải chịu 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2019/0002040 ngày 27/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Chị Phan Thị P đã nộp đủ án phí.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh, huyện
- THADS huyện
- UBND xã N
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lệ Thanh**